

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *16* /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày *20* tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách
địa phương huyện Châu Thành năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND, ngày 15/12/2022 của UBND huyện về phân bổ ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2023; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận đóng góp của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2023, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước:

Số tiền: 58.500 triệu đồng (*Năm mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng*)

Trong đó:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh:	19.000 triệu đồng
- Lệ phí trước bạ:	13.500 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí:	3.000 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	10.000 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân:	11.000 triệu đồng
- Thu khác:	2.000 triệu đồng

2. Về cân đối thu – chi ngân sách địa phương

a. Tổng thu ngân sách địa phương: 448.547 triệu đồng

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	53.200 triệu đồng
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh:	355.747 triệu đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh:	39.600 triệu đồng

b. Tổng chi ngân sách địa phương: 448.547 triệu đồng

- Chi cân đối ngân sách địa phương:	408.947 triệu đồng
+ Chi đầu tư phát triển:	26.045 triệu đồng
+ Chi thường xuyên:	368.524 triệu đồng
+ Chi dự phòng:	8.019 triệu đồng
+ Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương:	6.359 triệu đồng

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (triển khai 04 dự án trường học trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025):	39.600 triệu đồng
--	-------------------

(Đính kèm chi tiết tại biểu 15, 16, 17)

Điều 2.

1. Để thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân Châu Thành đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành chỉ đạo ngành thuế cùng các ngành chức năng và UBND các xã, thị trấn xây dựng phương án thu thuế năm 2023, bảo đảm thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các khoản phát sinh vào ngân sách nhà nước.

2. Trong năm 2023, nếu có phát sinh, bổ sung dự toán cho những nhiệm vụ cụ thể không thuộc nhiệm vụ nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành giao cho Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành điều hành, sử dụng đúng nhiệm vụ và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp lần thứ 10 thông qua *hst*

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị huyện Châu Thành);
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện ủy; TT.HĐND; UBND; UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện, khóa XII;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC *hst*

CHỦ TỊCH

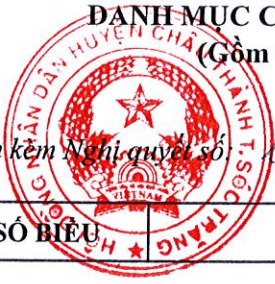


Jan Pô

DANH MỤC CÁC BIỂU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Gồm 03 biểu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Châu Thành)



STT	SỐ BIỂU	NỘI DUNG	Ghi chú
Dự toán ngân sách địa phương năm 2023			
1	Biểu số 15:	Cân đối ngân sách địa phương năm 2023	
2	Biểu số 16:	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm 2023	
3	Biểu số 17:	Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm 2023	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Châu Thành)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	Tổng nguồn thu NSDP	409.437.000	520.387.586	448.547.000	-71.840.586	86%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	46.370.000	52.860.000	53.200.000	340.000	101%
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	363.067.000	363.067.000	395.347.000	32.280.000	109%
1	Bổ sung cân đối	342.881.000	342.881.000	355.747.000	12.866.000	104%
2	Bổ sung có mục tiêu	20.186.000	20.186.000	39.600.000	19.414.000	196%
III	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		9.856.241			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		94.604.345			
B	Tổng chi NSDP	409.437.000	513.897.000	448.547.000	39.110.000	87%
I	Tổng chi cân đối NSDP	389.251.000	493.711.000	408.947.000	19.696.000	83%
1	Chi đầu tư phát triển	23.873.000	65.415.000	26.045.000	2.172.000	40%
2	Chi thường xuyên	351.387.000	414.305.000	368.524.000	17.137.000	89%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách	7.632.000	7.632.000	8.019.000	387.000	105%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.359.000	6.359.000	6.359.000	0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	20.186.000	20.186.000	39.600.000	19.414.000	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	20.186.000	20.186.000	39.600.000	19.414.000	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	Bội thu NSDP/Bội chi NSDP					
D	Chi trả nợ gốc của NSDP	0	0	0	0	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	Tổng mức vay của NSDP	0	0	0	0	-
1	Vay để bù đắp bội chi					
2	Vay để trả nợ gốc					

Ghi chú: Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;

DỰ TOÁN THU NSNN THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Châu Thành)

ĐVT: Ngân đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	Tổng thu NSNN	62.000.000	52.860.000	58.500.000	53.200.000	94%	101%
I	Thu nội địa	62.000.000	52.860.000	58.500.000	53.200.000	94%	101%
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương						
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương						
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	17.500.000	17.500.000	19.000.000	18.900.000	109%	108%
	Thuế giá trị gia tăng	15.400.000	15.400.000	16.900.000	16.900.000	110%	110%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.100.000	2.100.000	2.000.000	2.000.000	95%	95%
	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước			50.000			
	Thuế tài nguyên			50.000			
5	Lệ phí trước bạ	15.800.000	15.000.000	13.500.000	13.500.000	85%	90%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
7	Thuế thu nhập cá nhân	11.350.000	11.350.000	11.000.000	11.000.000	97%	97%
8	Thuế bảo vệ môi trường						
9	Thu phí, lệ phí	3.150.000	1.700.000	3.000.000	1.800.000	95%	106%
	Phí và lệ phí trung ương, tỉnh	1.450.000		1.200.000			
	Phí và lệ phí cấp huyện và các xã, thị trấn			1.800.000	1.800.000		
	Lệ phí môn bài	422.000	422.000	890.000	890.000		
	Phí ngành và phí xã	1.278.000	1.278.000	910.000	910.000		
10	Tiền sử dụng đất	10.500.000	6.200.000	10.000.000	6.000.000	95%	97%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
12	Thu khác	3.700.000	1.110.000	2.000.000	2.000.000	54%	180%
13	Thu tại xã						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	0	0	0	0		
1	Thuế XK, NK, TTĐB						
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu						
III	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NSDP THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Châu Thành)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	Tổng chi NSDP	409.437.000	448.547.000	39.110.000	615%
A	Chi cân đối NSDP	389.251.000	408.947.000	19.696.000	419%
I	Chi đầu tư phát triển	23.873.000	26.045.000	2.172.000	109%
1	Chi đầu tư cho các dự án	23.873.000	26.045.000	2.172.000	109%
	<i>Chia theo lĩnh vực</i>				
-	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề				
-	Chi khoa học & công nghệ				
	<i>Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.800.000	6.000.000	1.200.000	125%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	351.387.000	368.524.000	17.137.000	105%
	Trong đó				
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	205.552.000	220.513.000	14.961.000	107%
2	Chi khoa học & công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do CQĐP vay				
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	7.632.000	8.019.000	387.000	105%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.359.000	6.359.000	0	100%
B	Chi các chương trình mục tiêu	20.186.000	39.600.000	19.414.000	196%
1	Chi các chương trình mục tiêu, quốc gia	0	0	0	
a	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				
b	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				
c	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	20.186.000	39.600.000	19.414.000	196%
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	20.000.000	39.600.000	19.600.000	198%
b	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	186.000		-186.000	0%
C	Chi chuyển nguồn sang năm sau				